

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 3 – 2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Cao Thị Diệu Hiền
- Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Anh Lê Quốc T**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số G, ấp Đ, xã T, TP., tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* **Chị Võ Thị V**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số G, ấp Đ, xã T, TP., tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Quốc T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh T và chị V chung sống như vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh T và chị V chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

tính tình không phù hợp nên thường xuyên gây gổ, cự cãi, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, từ tháng 10 năm 2023 chị V về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay anh T nhận thấy tình cảm với chị V không còn, anh không thể tiếp tục chung sống với chị V. Anh T yêu cầu ly hôn chị V.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Anh T1, sinh ngày 13/5/1994 và Lê Thị Kỳ N, sinh ngày 23/6/1998, hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Anh T và chị V tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Võ Thị V vắng mặt tại phiên tòa, quá trình tham gia tố tụng có văn bản ý kiến trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị V thống nhất theo lời trình bày của anh T về quá trình chung sống, chị V và anh T không có đăng ký kết hôn, chị V có yêu cầu anh T đi đăng ký kết hôn nhiều lần nhưng anh T không thực hiện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng sống chung không hạnh phúc vì anh T nhiều lần đánh chị V, từ tháng 10 năm 2023 đến nay chị V về nhà cha mẹ ở xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cư trú. Nay Chị V nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, chị V đồng ý ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Anh T1, sinh ngày 13/5/1994 và Lê Thị Kỳ N, sinh ngày 23/6/1998, hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị V và anh T tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Quốc T và chị Võ Thị V.

- Về nuôi con chung: Đối với có 02 con chung tên Lê Thị Anh T1, sinh ngày 13/5/1994 và Lê Thị Kỳ N, sinh ngày 23/6/1998, hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Lê Quốc T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ‘Tranh chấp Hôn nhân gia đình về ly hôn’. Bị đơn chị Võ Thị V cư trú tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn chị Võ Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu của anh Lê Quốc T về việc yêu cầu ly hôn chị Võ Thị V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Anh T và chị V chung sống như vợ chồng từ năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. N1, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Lẽ ra, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, anh T và chị V phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng anh T và chị V đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị V không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh T và chị V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gỗ cự cãi, dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt không thể

hòa giải, hàn gắn. Nay anh, chị đều xác định tình cảm không còn, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do anh, chị không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận anh T và chị V là vợ chồng.

[3.2]. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Anh T1, sinh ngày 13/5/1994 và Lê Thị Kỳ N, sinh ngày 23/6/1998, hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Anh T và chị V đều trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Anh T và chị V xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Quốc T và chị Võ Thị V.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Anh T1, sinh ngày 13/5/1994 và Lê Thị Kỳ N, sinh ngày 23/6/1998, hiện 02 con đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Quốc T và chị Võ Thị V tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Anh T và chị V xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Anh Lê Quốc T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, anh T đã nộp ngày 19/02/2024 theo biên lai thu số 0003991 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

đã ký

Phạm Văn Tuấn Em